

Bản án số : 1050/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 16/10/2019

V/v : “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân :* 1/- Ông Vũ Ngọc Châu  
2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

*Thư ký phiên tòa :* Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Q3,  
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện VKSND Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :*  
Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 255/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

*Địa chỉ:* Đường X, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1963.

*Địa chỉ:* Đường X, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Hoàng Vĩnh N tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 02/2004 cấp ngày 27/01/2004. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Hoàng Vĩnh V sinh 28/11/1998 và Hoàng Nguyễn T sinh 01/06/2005.

Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc bình thường. Được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, sống không có sự chia sẻ cảm thông với nhau, dẫn

tới gia đình luôn bất ổn về tinh thần. Hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả.

Do nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với ông N không còn nên không thể đoàn tụ gia đình. Nay bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Vĩnh V sinh năm 1998 đã trưởng thành và Hoàng Nguyễn T sinh 01/06/2005. Hiện tại, trẻ Hoàng Nguyễn T đang sống với bà, bà có công việc và thu nhập ổn định và nguyện vọng của con cũng muốn được sống với mẹ. Do đó, bà yêu cầu được giữ nuôi trẻ Hoàng Nguyễn T. Bà không yêu cầu ông Hoàng Vĩnh N cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Hoàng Vĩnh N trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004. Có làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Nam như bà H trình bày. Quá trình chung sống có 02 con chung là Hoàng Vĩnh V sinh năm 1998 đã trưởng thành và Hoàng Nguyễn T sinh 01/06/2005. Cuộc sống chung của vợ chồng theo ông mặc dù có nhiều mâu thuẫn, trải qua những thăng trầm, cãi vã, bất đồng ý kiến về quan điểm sống nhưng vẫn có thể khắc phục được. Nay không biết vì lý do gì bà H nộp đơn ly hôn, bản thân ông không muốn các con bị ảnh hưởng tương lai nên ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Nếu có ly hôn thì ông đồng ý theo nguyện vọng của con quyết định là sống với ai.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông Hoàng Vĩnh N cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử , đề nghị Tòa án xét xử theo qui định của pháp luật.

***Tại phiên tòa hôm nay :***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông Hoàng Vĩnh N vì xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với nhau không còn.

- Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Vĩnh V sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Hoàng Nguyễn T sinh 01/06/2005. Bà yêu cầu được giữ nuôi Hoàng Nguyễn T, bà không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Hoàng Vĩnh N : Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử theo qui định của pháp luật.

Về con chung : Ông N đồng ý theo nguyện vọng của con là Hoàng Nguyễn T.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của

Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền :

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 82 , quyển số 02 cấp ngày 27/01/2004. do Ủy Ban Nhân Dân xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Nam cấp thì bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Vĩnh N có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông N tại thời điểm thụ lý có địa chỉ cư trú tại Quận 3.

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H thuộc tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Xét ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự , Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bà H yêu cầu ly hôn vì giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc và trách nhiệm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc sống chung. Bản thân ông N cũng xác định hai bên có mâu thuẫn, nhưng có thể khắc phục được. Tuy nhiên, phía ông N từ đó đến nay vẫn không có biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn trên để hàn gắn gia đình, mà làm cho mâu thuẫn kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến việc bà H yêu cầu ly hôn vì tình cảm đối với ông N không còn.

Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nhận thấy các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà H và ông N cho thấy giữa bà H và ông N, sống không có trách nhiệm và không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thể hiện hạnh phúc gia đình. Như vậy, hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 124, quyển số 01/1999 do Ủy Ban Nhân Dân xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/05/1999 mang tên Hoàng Vĩnh V sinh 28/11/1998 (Đã trưởng thành), Giấy khai sinh số 77, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn X, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/08/2005 mang tên trẻ Hoàng Nguyễn T sinh 01/06/2005 có cha là Hoàng Vĩnh N, mẹ là bà Nguyễn Thị H. Bà H có yêu cầu giữ nuôi con, xét trẻ Hoàng Nguyễn T là trẻ nữ, từ trước đến nay được bà H chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Căn cứ lời khai của trẻ Trúc thể hiện có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Bản thân ông Hoàng Vĩnh N cũng đồng ý theo nguyện vọng của con. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, trên cơ sở xem xét toàn diện quyền lợi về mọi mặt của con, xét giao con bà H giữ nuôi là phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn như đã phân tích ở trên.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

Căn cứ điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án .

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Tuyên xử :***

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.**

- *Về quan hệ hôn nhân* : Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Hoàng Vĩnh N.

- *Về con chung* : Giao cho bà Nguyễn Thị H giữ nuôi con chung là Hoàng Nguyễn T sinh ngày 01/06/2005. Bà H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Hoàng Vĩnh V sinh 28/11/1998 đã trưởng thành.

Ông Hoàng Vĩnh N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản* : Không yêu cầu giải quyết về tài sản.

2. *Về án phí* : Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014121 ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo* :

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- UBND xã X, Quảng Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mỹ Ngọc**